

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 310/2023/DS-PT

Ngày: 29-8-2023

V/v tranh chấp đòi tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Thanh Thuý

*Các Thẩm phán:*

Bà Lê Thị Kim Nga

Bà Huỳnh Thị Hồng Vân

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Cẩm Hồng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24 và 29 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 139/2023/TLPT-DS ngày 05 tháng 6 năm 2023 về việc “tranh chấp đòi tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 41/2023/DS-ST ngày 07 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 187/2023/QĐ-PT ngày 19/6/2023, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Lê Thị C, sinh năm 1959

Địa chỉ: Số A, Ấp B, xã P, huyện C, tỉnh Long An (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bà C: Ông Nguyễn Văn C1, sinh năm 1964

Địa chỉ: Số A, Ấp B, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

(Văn bản ủy quyền ngày 12/7/2023) (có mặt)

**- Bị đơn:** Bà Trần Thị M, sinh năm 1959

Địa chỉ: Số A, Ấp B, xã P, huyện C, tỉnh Long An (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bà M: Ông Võ Hòa T, sinh năm 1984

Địa chỉ: Ấp F, xã N, huyện B, tỉnh Long An.

(Văn bản ủy quyền ngày 12/7/2023) (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Lê Duy T1, sinh năm 1960, địa chỉ: Số nhà D, khu nội ô thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt)

- *Người kháng cáo:* Bị đơn, bà Trần Thị M.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ghi ngày 26/7/2022 và trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn bà Lê Thị C trình bày:*

Bà C và bà M là chị em họ, sống chung một nhà khi còn nhỏ đến khi lấy chồng. Do là chị em và có mối quan hệ thân thiết nên bà C giới thiệu bà M đầu tư số tiền 100.000.000 đồng để ông Lê Duy T1 làm chi phí dự án thuê 1.200 ha đất tại xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh, để đầu tư nông nghiệp công nghệ cao và du lịch sinh thái rừng. Do dự án không được UBND tỉnh T phê duyệt, ông T1 không trả tiền cho bà M, bà M và con bà M nhiều lần trách móc và yêu cầu bà C chịu trách nhiệm trả tiền cho bà M, nên bà C đã trả tiền thay cho ông T1. Bà C đã trả cho bà M số tiền 100.000.000 đồng, trả làm 05 lần, bà C không yêu cầu bà M ký biên bản nhận tiền, bà C có ghi âm lại cuộc nói chuyện về việc trả tiền cho bà M ở lần trả tiền thứ 5. Sau khi bà M nhận tiền một thời gian, bà C yêu cầu bà M giao giấy giao nhận tiền giữa bà M và ông T1, đồng thời bà M ủy quyền cho bà C để bà C đòi tiền đối với ông T1, nhưng bà M không chịu.

Số tiền bà C thay ông T1 trả cho bà M, bà C giao cho bà M 05 lần:

- Lần 1: Ngày 04 tháng 5 năm 2021, bà C giao cho bà M số tiền là 27.500.000 đồng, là tiền bà C hốt hụi từ bà Tư T2, bà Tư T2 đến nhà giao hụi cho bà C, bà C gọi bà M đến trực tiếp nhận tiền từ bà Tư T2.

- Lần 2: Ngày 10 tháng 5 năm 2021, bà C giao cho bà M số tiền 5.000.000 đồng.

- Lần 3: Ngày 18 tháng 5 năm 2021, bà C giao cho bà M số tiền 15.000.000 đồng.

- Lần 4: Ngày 01 tháng 6 năm 2021, bà C giao cho bà M số tiền 4.000.000 đồng.

- Lần 5: Ngày 09 tháng 6 năm 2021, bà C giao cho bà M số tiền 48.500.000 đồng, là lần cuối cùng, bà C có ghi âm cuộc nói chuyện giữa bà C và bà M, hai bên đã thống nhất là bà M đã nhận đủ số tiền 100.000.000 đồng mà bà C thay cho ông T1 trả cho bà M. Bà C có cung cấp đoạn ghi âm để làm chứng cứ.

Nay, bà C yêu cầu bà M trả lại cho bà C số tiền đã nhận là 100.000.000 đồng. Số tiền bà C giao cho bà M là do bà C tự đi vay của người khác và hốt hụi, không có liên quan đến quyền lợi của chồng bà C.

Ngoài ra, bà không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

*Bị đơn là bà Trần Thị M trình bày trong quá trình giải quyết vụ án:* Bà M không đồng ý với yêu cầu của bà C, bà M không nhận số tiền nào như bà C trình bày. Bà M có góp vốn với ông T1 số tiền là 100.000.000 đồng, nhưng đến nay ông T1 chưa trả cho bà M. Bà M yêu cầu bà C cung cấp biên nhận của số tiền 100.000.000 đồng mà bà C yêu cầu bà M trả. Bà M xác định đoạn ghi âm mà bà C cung cấp là do bà C

ghi âm lên cuộc nói chuyện bình thường giữa bà C và bà M, không có liên quan gì đến số tiền mà bà M đưa cho ông T1. Đoạn ghi âm không thể hiện rõ tên của bà M, không thể hiện giờ, ngày ghi âm.

Bà M có mượn hụi của bà C số tiền 27.500.000 đồng, do bà Tư T2 giao cho bà M. Bà M đã trả lại cho bà C số tiền hụi này, không có ký nhận việc mượn và trả tiền hụi.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 41/2023/DS-ST ngày 07-4-2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An, đã xử:

*“Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;*

*Áp dụng các Điều 166 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;*

*Áp dụng Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;*

*Tuyên xử:*

*Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị C, buộc bà Trần Thị M có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị C số tiền là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).*

*Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thi hành án, thì người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian và số tiền thi hành án”.*

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các bên đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 19/4/2023, bị đơn bà Trần Thị M nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện và bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các bên không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Duy T1 có bản tường trình gửi cho Tòa án đề ngày 25/6/2023 trình bày tóm tắt như sau: Ông có biết ông Nguyễn Văn C1 (chồng bà C) qua việc ông C1 giới thiệu cho ông vay tiền của bà Trần Thị M và ông đã vay của bà M số tiền là 100.000.000 đồng và đến nay bà M cũng không đòi ông trả, vì trước khi mượn tiền thì bà M đồng ý khi nào dự án của ông hoạt động thì ông trả vốn và cho thêm tiền bà đã bỏ ra cho ông mượn. Còn phần tranh chấp tiền bạc giữa bà C và bà M ông không biết gì. Ông cũng không có quyền lợi, và nghĩa vụ gì đối với bà C thừa kiện bà M. Ông yêu cầu Tòa án tỉnh Long An cho ông được vắng mặt tại phiên tòa vì ông không liên quan đến vụ án.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị M là ông Võ Hòa T trình bày: Bà M kháng cáo yêu cầu bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà C với lý do bà C và người

đại diện cho bà C là ông C1 cùng xác định nội dung bảng trích lượt ghi âm bà C cung cấp cho Tòa án tỉnh Long An ngày 15/8/2023 là bảng trích lượt ghi âm đầy đủ, nhưng khi đối chiếu bảng trích lượt ghi âm này với bảng trích lượt ghi âm bà C cung cấp ở Tòa án C là hai nội dung khác nhau. Trong bảng trích lượt ghi âm bà C gửi cho Tòa án tỉnh Long An không có nội dung nào bà M thừa nhận có nhận 100.000.000 đồng của bà C và cũng không có nội dung nào liên quan tới tiền bà Chi trả thay cho ông T1 mà theo đơn khởi kiện thì bà C yêu cầu buộc bà M trả lại số tiền mà bà C đã trả thay cho ông T1 là 100.000.000 đồng nên yêu cầu của bà C là không có cơ sở. Trong nội dung ghi âm còn đề cập đến khoảng tiền 27.500.000 đồng là tiền hui bà M nhận từ bà Tư T2, bà Tư T2 là người cho bà C chơi hui và bà M thừa nhận có mượn phần đầu hui ngày mà bà C chơi với bà Tư T2 nhưng những khoảng tiền này thì bà M đã thanh toán xong cho bà C. Bà M xác nhận nội dung trong bảng lượt ghi âm mà bà C cung cấp cho Tòa án không phải là nội dung bà Chi t nợ thay cho ông T1 nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà M và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị C là ông Nguyễn Văn C1 trình bày: Chứng cứ mà bà C nộp cho Tòa án là 2 USB nội dung ghi âm mà bà C đã ghi âm cuộc nói chuyện ngày 09/6/2021 giữa vợ chồng bà C và bà M. Trong đó xác nhận nội dung bà C cần trừ nhiều khoảng tiền nợ và đưa thêm tiền cho bà M, tổng cộng bà M nhận của bà C số tiền là 100.000.000 đồng. Bà C đưa cho bà M số tiền này là tiền mà bà M đã cho ông T1 vay qua sự giới thiệu của vợ chồng bà C. Tuy nhiên, sau khi đưa tiền cho bà M thì bà M lại không chịu đưa giấy nợ của ông T1 vay bà M để vợ chồng bà C đi khởi kiện đòi lại tiền ông T1 nên nay bà C mới khởi kiện bà M để kiện đòi lại khoản tiền 100.000.000 đồng tiền bà C đã giao cho bà M. Bảng lượt ghi âm kèm theo đơn khởi kiện ở Tòa án huyện Châu Thành là bảng lượt ghi ngắn còn bảng lượt ghi âm bà C gửi cho Tòa án tỉnh Long An là bảng lượt ghi âm chi tiết hơn, nhưng cả hai bảng lượt ghi âm đều có nội dung bà M thừa nhận cộng đủ số tiền 100.000.000 đồng nhận từ bà C. Do đó, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà C.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong giai đoạn xét xử phúc thẩm kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Bản án sơ thẩm buộc bà M phải trả cho bà C số tiền 100.000.000 đồng, bà C không đồng ý nên kháng cáo bản án sơ thẩm. Căn cứ vào các đoạn ghi âm cũng như bảng lượt ghi âm mà bà C cung cấp cho Tòa án có nội dung giữa bà C và bà M có giao dịch nợ hui và vay với nhau. Bà C trình bày khoảng tiền tổng cộng bà C giao cho bà M là 100.000.000 đồng và đây là khoảng tiền bà Chi t thay cho ông T1 nhưng sau đó bà C yêu cầu bà M đưa giấy nợ ông T1 vay tiền bà M để bà C đi kiện đòi lại 100.000.000 đồng mà bà M không đồng ý. Bà M thừa nhận trong đoạn ghi âm có tiếng nói của bà và cho rằng phía bà C đã ghi âm lén cuộc nói chuyện giữa bà C và bà M, bà M cũng thừa nhận giữa hai bên có việc vay nợ và tiền hui với nhau

và bà M đã trả hết những khoản nợ và vay cho bà C nhưng bà M không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho việc trả nợ và việc này không được phía bà C thừa nhận. Bà M thừa nhận có giao dịch nợ hui và vay với bà C và căn cứ vào các đoạn ghi âm có nội dung bà M cộng đủ số tiền 100.000.000 đồng nhận từ bà C. Bà M không chứng minh được tiền nhận của bà C là tiền gì và cũng không chứng minh được việc trả tiền. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả tiền 100.000.000 đồng là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### ***Về thủ tục tố tụng:***

[1] Kháng cáo của bị đơn thực hiện đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Lê Duy T1 có văn bản trình bày ý kiến và yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ vào khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T1.

#### ***Về việc giải quyết yêu cầu kháng cáo:***

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị M về việc không đồng ý hoàn trả cho bà Lê Thị C số tiền 100.000.000 đồng vì bà xác định bà không có nhận số tiền này từ bà C. Bà C trình bày do nhiều lần bà M yêu cầu bà phải thay ông T1 trả lại số tiền mà bà M đã giao cho ông T1 nên bà C đã giao lại đủ số tiền 100.000.000 đồng cho bà M nhưng sau khi bà Chi t đủ tiền cho bà M và yêu cầu bà M đưa lại biên nhận tiền và làm thủ tục ủy quyền để bà C đòi lại ông T1 số tiền 100.000.000 đồng thì bà M không đồng ý nên bà C đã khởi kiện đòi lại số tiền 100.000.000 đồng đã giao cho bà M.

[4] Bà C trình bày bà đã giao cho bà M tổng số tiền 100.000.000 đồng thành 05 lần, cụ thể như sau: Lần 1: Ngày 04/5/2021 giao 27.500.000 đồng, lần 2: ngày 10/5/2021 giao 5.000.000 đồng, lần 3: Ngày 18/5/2021, giao 15.000.000 đồng, lần 4: ngày 01/6/2021, giao 4.000.000 đồng, lần 5: giao 48.500.000 đồng. Do là chị em quen biết với nhau nên khi giao nhận tiền các bên không có lập biên bản giao nhận tiền. Bị đơn bà M xác định bà không có nhận số tiền 100.000.000 đồng như bà C trình bày.

[5] Để chứng minh cho lời trình bày của mình, bà C đã cung cấp đoạn ghi âm ghi lại cuộc nói chuyện giữa bà và một người phụ nữ, trong quá trình giải quyết vụ án, bà M thừa nhận trong đoạn ghi âm bà C cung cấp có tiếng nói của bà. Căn cứ vào nội dung ghi âm và trích xuất nội dung ghi âm bà C cung cấp thì cuộc nói chuyện và trao đổi chỉ diễn ra giữa hai người phụ nữ và 01 người đàn ông (các bên thống nhất xác định tiếng nói của người đàn ông trong đoạn ghi âm là của ông C1 chồng bà C), bà M thừa nhận trong file ghi âm có tiếng nói của bà nên có cơ sở xác định nội dung ghi âm là cuộc nói chuyện giữa bà C, ông C1 và bà M. Bà M xác định cuộc ghi âm này do bà C ghi lén cuộc nói chuyện giữa bà và bà C nên có cơ sở xác định

việc bà C ghi âm là ngoài ý thức chủ quan giữa các bên, là cuộc nói chuyện tự nhiên giữa các bên mà không có sự đe dọa hay ép buộc nào. Do đó, nội dung trong file ghi âm mà bà C cung cấp được Hội đồng xét xử xem xét làm căn cứ để giải quyết vụ án.

[6] Căn cứ vào nội dung cuộc nói chuyện của file ghi âm số “REC20210609153147” từ giây thứ 30 đến 01 phút 18 giây thì bà M thừa nhận có nhận số tiền “5.000.000đồng”, “15.000.000đồng”, “4.000.000đồng”, “24.000.000đồng phần bà M mượn” và “27.500.000đồng tiền hui” và ngày 09/6/2021, bà M thừa nhận có nhận số tiền 48.500.000đồng, như vậy, tổng số tiền bà M đã nhận của bà C là 100.000.000đồng là phù hợp với số tiền và các đợt giao nhận tiền mà bà C trình bày nên có cơ sở xác định bà M có nhận của bà C số tiền 100.000.000đồng. Bà M xác định số tiền thể hiện trong đoạn ghi âm không có liên quan gì đến số tiền bà đưa cho ông T1 thông qua giới thiệu của bà C. Bà M xác định từ trước đến nay bà không có nhận bất kỳ số tiền nào từ bà C với bất kỳ mục đích nào là không có căn cứ để chấp nhận. Tại biên bản đối chất ngày 22/11/2022 (BL số 40 đến 42) và tại phiên tòa phúc thẩm bà M thừa nhận đã nhiều lần mượn tiền hui của bà C và bà M đã trả hết các số tiền này cho bà C nhưng bà M không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ. Do bà M không chứng minh được số tiền 100.000.000đồng bà nhận từ bà C là tiền gì nên bà C đòi lại số tiền này là phù hợp với quy định tại Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Văn C1 là chồng của bà Lê Thị C xác định số tiền bà C đưa cho bà M là tiền của cá nhân bà C, không liên quan gì đến ông, ông xác định ông chỉ chứng kiến việc giao nhận tiền giữa bà C và bà M, ông không có liên quan gì đến số tiền giữa bà C và bà M, ông xác định ông cũng không có ý kiến và tranh chấp gì trong vụ án này nên Tòa án cấp sơ thẩm không đưa ông C1 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp.

[8] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Từ những phân tích và lập luận nêu trên, nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp nên căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị M.

[10] Các phần khác của bản án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm thì có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[11] Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ Điều 12, Điều 14, Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án, do yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị M không được chấp nhận nên bà M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng do bà M là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên bà M thuộc trường hợp được miễn án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị M.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 41/2023/DS-ST ngày 07-4-2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

Căn cứ Điều 166, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 12, Điều 14, Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị C đối với bị đơn bà Trần Thị M về việc “Tranh chấp đòi tài sản”.

1. Buộc bà Trần Thị M phải hoàn trả cho bà Lê Thị C số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với số tiền chưa trả, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Lê Thị C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho bà Lê Thị C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008117 ngày 17 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An. Bà Trần Thị M được miễn án phí dân sự sơ thẩm

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị M được miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm.

5. Quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án là ngày 29-8-2023.

### **Nơi nhận:**

- TANDCC;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HS; AV./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Thanh Thúy**

